TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 20-4-2022
"V/v xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít***: (không tham gia phiên tòa).

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2020/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc: "x*in ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn*: Anh Trần Thanh D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Con chung trên 07 tuổi: Cháu Trần Trúc H, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020, đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trình bày: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M với bị đơn anh Trần Thanh D cưới nhau trên cơ sở tìm hiểu quen biết, được gia đình chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K,

huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, Quyển số 01, ngày 26 tháng 5 năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Gia đình cha, mẹ nhắc nhở, hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được, nên ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Trần Trúc H, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012, hiện đang chung sống với chị M.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ vợ hôn nhân: Chị M xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Dphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M xin vắng mặt xét xử vì bản thân bị bệnh, nên hạn chế đi lại.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 8 năm 2020; biên bản hòa giải ngày 26 tháng 10 năm 2020 thì cháu Trần Trúc H trình bày: Cháu Trần Trúc H là con chung của chị M, anh D. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị M, anh D ly hôn thì cháu H xin được ở với mẹ là chị M, ngoài ra không có ý kiến khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh D biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị M, nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26 tháng 10 năm 2020; ngày 05 tháng 3 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn chị M khởi kiện bị đơn anh D là quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh D có nơi cư trú tại huyện Mang Thít. Do đó, theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 2, mặc dù đã bàn giao văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, chị M có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là

có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M với bị đơn anh Trần Thanh D cưới nhau trên cơ sở tìm hiểu, quen biết trước và được gia đình cha, mẹ hai bên chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, Quyển số 01, ngày 26 tháng 5 năm 2010, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh D là quan hệ hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được công nhận là vợ chồng.

Xét, chị M cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong sinh hoạt, công việc chung, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng được gia đình động viên khắc phục, sửa chữa nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại được, nên đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Trong quá trình thụ lý, giải quyết tại Tòa án anh D không tham gia hòa giải, xét xử, không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị M với anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Trần Trúc H, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012, hiện do chị M nuôi dưỡng. Anh D không có ý kiến và cung cấp chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Hiện tại chị M có điều kiện nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng không chỉ thuận lợi cho sinh hoạt, học tập cũng như ổn định tâm lý kể cả về giáo dục giới tính, phù hợp với ý kiến của cháu Huỳnh, mà còn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là có căn cứ, nên chấp nhận.

Bên trực tiếp nuôi dưỡng nguyên đơn chị M không yêu cầu bị đơn anh Dcấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí: Áp dụng các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị M nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn với bị đơn anh Trần Thanh D.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Trúc H, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012 cho nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên trực tiếp nuôi dưỡng nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng bị đơn anh Trần Thanh D có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Quyền, nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4/ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N^{o} 0003098 ngày 02 tháng 10 năm 2020, nên không phải nộp thêm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã K, huyện O, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (M, D);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc